Đại Tạng Kinh Việt Nam

Kinh Tiểu Bộ — tập 3 (Khuddaka Nikāya)

Tieu Bo III - Index

font

Đại Tạng Kinh Việt Nam

Tiểu Bộ Kinh - Tập III

Khuddaka Nikàya Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Mục lục Tập III

3.1 Trưởng Lão Tăng Kệ (chú giải)

Nguyên tác tiếng Anh: Rhys Davids, C. A. F., "Psalms of the Brethren", Pali Text Society, 1913

Chương Một - Một Kệ

Phẩm Một

1. Subhùti

2. Mahà Kotthita

3. Kankha Revata

4. Punna Mantàniputta

5. Dabba

6. Sìta -Vaniya

7. Bhalliya

8. Vìra

9. Pilinda-Vaccha

10. Punamàsa

Phẩm Hai

11. Gavaccha

12. Mahà Gavaccha

13. Vana - Vaccha

14. Sìvàka

15. Kunda-Dhàna

16. Belatthasìsa

17. Dàsaka

18. Singàla-Pitar

19. Kula

20. Ajita

Phẩm Ba

21. Nigrodha

22. Cittaka

23. Gosàla

24. Sugandha

25. Nandiya

26. Abhaya

27. Lomasakangiya

28. Jambugàmika

29. Hàrita

30. Uttiya

Phẩm Bốn

31. Gahvaratìriya

32. Suppiya

33. Sopàka

34. Posiya

35. Sàmannakàni

36. Kumàputta

37. Sundanta (Bạn Của Kumà)

38. Gavampati

39. Tissa

40. Vađhamàna

Phẩm Năm

41. Sirivađha

42. Khadira-Vaniya

43. Sumangala

44. Sànu

45. Ràmanìya-Vihàrim

46. Sumiddhi

47. Ujiaya

48. Sanjaya

49. Ràmaneyyaka

50. Viamala

Phẩm Sáu

51. Gidhika

52. Subàhu

53. Valliya

54. Uttiya

55. Anjana-Vaniya

56. Kutivihàrim (1)

57. Kutivihàrim (2)

58. Ramanìya -Kutika

59. Kosala-Vihàrim

60. Sivali

Phẩm Bảy

61. Vappa

62. Vajji-Putta

63. Pakkha-Sammeda

64. Vimala-Kondanna

65. Ukkhepata-Vaccha

66. Meghiya

67. Ekadhamma-Savannìya

68. Ekudàniya

69. Channa

70. Punna (Sunàparantaka)

Phẩm Tám

71. Vacchapàla

72. Atuma

73. Mànava

74. Suyàman

75. Susàrada

76. Piyanjaha

77. Hatthàroha-Putta

78. Mendasira

79. Rakkhita

80. Ugga

Phẩm Chín

81. Samitigutta

82. Kassapa

83. Sìha

84. Nìta

85. Sunàga

86. Nàagita

87. Pavittha

88. Ajjuna

89. Devasabha

90. Sàmidatta

Phẩm Mười

91. Paripunnaka

92. Vijaya

93. Eraka

94. Mettajì

95. Cakku-Pàla

96. Khandasumana

97. Tissa

98. Abhaya

99. Uttiya

100. Devasabha

Phẩm Mười Một

101. Belatthakàni

102. Setuccha

103. Bandhura

104. Khitaka

105. Malitavambha

106. Suhemanta

107. Dhammasava

108. Phụ Thân của Dhammasava

109. Langha Rakkhita

110. Usabha

Phẩm Mười Hai

111. Jenta

112. Vacchagotta

113. Vana-Vaccha

114. Adhimutta

115. Mahànàma

116. Pàràpariya

117. Yasa

118. Kimliba

119. Vajji-Putta

120. Isidatta

Chương Hai - Hai Kệ

Phẩm Một

121. Utara

122. Pindola-Bhàradvàja

123. Valliya

124. Gangatìriya Datta

125. Ajina

126. Melajina

127. Rhàdha

128. Suràdha

129. Gotama

130. Vasabha

Phẩm Hai

131. Mahà Cunsa

132. Jotidàra

133. Herannakàni

134. Somamitta

135. Sabbamitta

136. Mahàkàla

137. Tiassa

138. Kimbila

139. Nanda

140. Sirimat

Phẩm Ba

141. Uttara

142. Bhađaji

143. Sobhita

144. Valliya Kanhamitta

145. Vìtasoka

146. Punnamàsa

147. Nandaka

148. Bharata

149. Bhàradvàja

150. Kanhadinna

Phẩm Bốn

151. Migasìra

152. Sìvaka

153. Upavàna

154. Isidinna

155. Sambula-Kaccàna

156. Khitaka

157. Sona-Potiriyaputta

158. Nisabha

159. Usabha

160. Kappata-Kura

Phẩm Năm

161. Kumàra-Kassapa

162. Dhammapàla

163. Brahmàli

164. Mogharàjam

165. Visàkha

166. Cùlaka

167. Anùpama

168. Vajjita

169. Sandhita

Chương Ba - Phẩm Ba Kệ

170. Anganika-Bhàradvàja

171. Paccaya

172. Bàkula

173. Dhaniya

174. Màtanga-Putta

175. Khujja-Sobhita

176. Vàrana

177. Passika

178. Yasoja

179. Sàtimattiya

180. Upàli

181. Uttarapàla

182. Abhibhùta

183. Gotama

184. Hàrita

185. Vimala

Chương Bốn - Phẩm Bốn Kệ

186. Nàgasamàla

187. Bhagu

188. Sabhiya

189. Nandaka

190. Jambuka

191. Senaka

192. Sambhùta

193. Ràhula

194. Candana

195. Dhammika

196. Sabbaka

197. Mudita

Chương Năm - Phẩm Năm Kệ

198. Ràjadatta

199. Subhùta

200. Girimànanda

201. Sumana

202. Vaddha

203. Nadikassapa

204. Kassapa Ở Gayà

205. Vakkali

206. Vifgitasena

207. Yasadatta

208. Sona-Kutikanna

209. Kosiya

Chương Sáu - Phẩm Sáu Kệ

210. Kassapa ở Uruvelà

211. Tekicchakàri

212. Mahànàga

213. Kulla

214. Malunkyaputta

215. Sappadàsa

216. Kàtiyàna

217. Migajàla

218. Jenta

219. Saumana

220. Nhàlaka-Muni

221. Brahmadatta

222. Sirimanda

223. Sabbhakàma

Chương Bảy - Phẩm Bảy Kệ

224. Sundara-Samuđa

225. Lakuntaka-Bhađiya

226. Bhadda

227. Sopàka

228. Sarabhanga

Chương Tám - Phẩm Tám Kệ

229. Mahà-Kaccàyana

230. Sirimitta

231. Mahasa-Panthaka

Chương Chín - Phẩm Chín Kệ

232. Bhùta

Chương Mười - Phẩm Mười Kệ

233. Kàludàyin

234. Ekavihàriya

235. Mahà-Kassapa

236. Cùla-Panthaka

237. Kappa

238. Upasena

239. Gotama

Chương Mười Một - Phẩm Mười Một Kệ

240. Sankicca

Chương Mười Hai - Phẩm Mười Hai Kệ

241. Sìlavat

242. Sunìta

Chương Mười Ba - Phẩm Mười Ba Kệ

243. Sona Kilivisa

Chương Mười Bốn - Phẩm Mười Bốn Kệ

244. Revata

245. Godatta

Chương Mười Lăm - Phẩm Mười Lăm Kệ

246. Annà-Kindanna

247. Udayin

Chương Mười Sáu - Phẩm Hai Mươi Kệ

248. Adhimutta

249. Pàràpariya

250. Kelakàni

251. Ratthapàla

252. Màlunkyàputta

253. Sela

254. Bhađhiya- Kàligodhàyaputta

255. Angulimàla

256. Anuruddha

257. Pàràpariya

Chương Mười Bảy - Phẩm Ba Mươi Kệ

258. Phussa

259. Sàriputta

260. Ananda

Chương Mười Tám - Phẩm Bốn Mươi Kệ

261. Mahà-Kassapa

Chương Mười Chín - Phẩm Năm Mươi Kệ

262. Tàlaputta

Chương Hai Mươi - Phẩm Sáu Mươi Kệ

263. Mahà Moggallàna

Chương Hai Mươi Mốt - Phẩm Bẩy Mươi Kệ

264. Vangisa

3.2 Trưởng Lão Ni Kệ (chú giải)

Nguyên tác tiếng Anh: Rhys Davids, C. A. F., "Psalms of the Sisters", Pali Text Society, 1909

Phẩm Một - Tập Một Kệ

1. Vô Danh Ni

2. Mutta

3. Punna

4. Tissa

5. Một Tissa Khác

6. Dhira

7. Một Dhira Khác

8. Mitta

9. Bhadha

10. Upasama

11. Mutta

12. Dahammadinnà

13. Visàkhà

14. Sumàna

15. Uttara

16. Sumànà

17. Dahamima

18. Sanjhà

Phẩm Hai - Tập Hai Kệ

19. Abhirupa-Nanda

20. Jenti

21. Mẹ Của Sumangala

22. Ađhakasi

23. Citta

24. Mettika

25. Muttà

26. Mẹ Của Abhayà

27. Abhaya

28. Sama

Phẩm Ba - Tập Ba Kệ

29. Một Sama Khác

30. Uttama

31. Một Uttama Khác

32. Dantika

33. Ubbiri

34. Sukkà

35. Siela

36. Soma

Phẩm Bốn - Tập Bốn Kệ

37. Bhaddà

Phẩm Năm - Tập Năm Kệ

38. Một Tỷ Kheo Ni Vô Danh

39. Vimalà, Xưa Là Một Kỹ Nữ

40. Sihà

41. Sundari Nandà

42. Nanduttara

43. Mittakali

44. Sukulà

45. Sonà

46. Bhaddà Kundalakesà

47. Patacara

48. 30 Tỷ Kheo Ni Tuyên Bố Về Chánh Trí Dưới Sự Lãnh Đạo Cúa Patacara

49. Canda

Phẩm Sáu - Tập Sáu Kệ

50. Năm Trăm Patacara

51. Vasitthi

52. Khema

53. Sujata

54. Anopamà

55. Mahapajapati Gotami

56. Gutta

57. Vijaya

Phẩm Bảy - Tập Bảy Kệ

58. Uttara

59. Càlà

60. Upacala

Phẩm Tám - Tập Tám Kệ

61. Sisupacala

Phẩm Chín - Tập Chín Kệ

62. Mẹ của Vaddha

Phẩm Mười - Tập Mười Kệ

63. Kisa Gotami

Phẩm Mười Một - Tập Mười Hai Kệ

64. Uppalavanna

Phẩm Mười Hai - Tập Mười Sáu Kệ

65. Pumà hay Punnika

Phẩm Mười Ba - Tập Hai Mươi Kệ

66. Ambapali

67. Rohini

68. Càpà

69. Sundari

70. Subha Con Người Thợ Vằng

Phẩm Mười Bốn - Tập Ba Mươi Kệ

71. Subha ở Rừng Xoài của Jivaka

Phẩm Mười Lăm - Tập Bốn Mươi Kệ

72. Isidasi

Phẩm Mười Sáu - Đại Phẩm

73. Sumedha

Giới thiệu Trưởng Lão Tăng Kệ & Trưởng Lão Ni Kệ

T rưởng Lão Tăng Kệ là quyển thứ tám của Tiểu Bộ Kinh, một tập hợp 264 tích truyện trong dạng các câu kệ do các vị tỳ kheo đệ tử của Đức Phật thuật lại về cuộc đời, công phu tu tập và tinh tấn hành trì của quý Ngài trên đường đưa đến đạo quả A-la-hán. Trong khi đó, Trưởng Lão Ni Kệ là quyển thứ chín, gồm 73 tích truyện về cuộc đời các vị tỳ kheo ni đệ tử A-la-hán của Đức Phật.

Qua hai quyển kinh nầy, chúng ta biết được các nỗ lực tu tập, đấu tranh nội tâm, thanh lọc tâm ý để đưa đến giác ngộ giải thoát. Cuộc đời tu hành của quý vị Tăng Ni như đã ghi lại trong hai quyển kinh là những tấm gương sáng ngời để chúng ta cùng suy gẫm và noi theo trên con đường hành đạo của mỗi người con Phật chúng ta.

Ngoài ra, các câu chuyện và vần kệ trong quyển Trưởng Lão Ni Kệ cũng là một chứng minh hùng hồn, cho thấy con đường của chư Phật mở rộng cho mọi người, không phân biệt nam hay nữ. Tấm gương dũng cảm quyết tâm tu tập để đắc đạo quả cao thượng của các vị tỳ kheo ni tiền phong trong Ni Đoàn của Đức Phật là một nguồn cảm hứng cho tất cả mọi người con Phật trong hơn hai ngàn năm trăm năm qua - nam cũng như nữ, già lẫn trẻ, người tại gia cũng như xuất gia. Đạo quả A-la-hán, đạo quả giác ngộ toàn bích, mở rộng cho tất cả những ai tận lực tu học, giữ gìn giới hạnh, thanh lọc tâm ý, khai phát tuệ minh, như các vị đại đệ tử tỳ kheo và tỳ kheo ni đó.

Tỳ kheo Ariyasilo

(Bình Anson lược dịch, tháng 01-2001)

[Phẩm kế] [^]

Chân thành cám ơn anh HDC đã có thiện tâm giúp tổ chức đánh máy vi tính (B. Anson, 01/2001).

Chân thành cám ơn anh TĐH đã giúp dò soát (B. Anson, 07/2003).

Hòa thượng Thích Minh Châu

[Mục lục Tiểu Bộ][Thư Mục Tổng Quát]

update: 13-08-2015

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.